

# Ứng dụng ChatGPT trong việc học từ gần nghĩa tiếng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

The Application of ChatGPT in learning Chinese near-Synonyms among Chinese language-majored Students

Đặng Thị Lê Na<sup>a\*,b</sup>  
Dang Thi Le Na<sup>a\*,b</sup>

<sup>a</sup>*Viện Ngôn ngữ, Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam*

<sup>a</sup>*Institute of Linguistics, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam*

<sup>b</sup>*Faculty of Chinese Language, School of Languages, Humanities and Social Sciences, Duy Tan University, Da Nang, Vietnam*

<sup>b</sup>*Faculty of Chinese, College of Foreign Language, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam*

(Ngày nhận bài: 2/3/2026, ngày phản biện xong: 16/6/2026, ngày chấp nhận đăng: 02/7/2026)

## Tóm tắt

Bài viết thảo luận về ứng dụng và những thách thức của ChatGPT trong việc phân tích từ gần nghĩa tiếng Trung Quốc, đồng thời đề xuất năm phương thức đặt câu hỏi hiệu quả nhằm tối ưu hóa quá trình học tập. Thông qua đối thoại với ChatGPT, sinh viên có thể vận dụng các cách hỏi như: (1) sự khác biệt chủ yếu giữa các từ; (2) phân tích sự khác biệt nghĩa của các yếu tố cấu tạo từ (ngữ tố) giữa các từ; (3) phân tích sự khác biệt về chức năng từ loại của các từ; (4) phân tích cụ thể về các cụm từ kết hợp khi đi kèm để làm rõ sự khác biệt; (5) sự khác biệt trong sắc thái sử dụng và ngữ cảnh sử dụng; đồng thời kết hợp thêm phần luyện tập từ ChatGPT để hiểu sâu hơn và nắm vững những khác biệt mang tính hệ thống giữa các từ gần nghĩa tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, việc ứng dụng ChatGPT cũng đối mặt với các thách thức như kiểm soát chất lượng và độ tin cậy của thông tin, hay nguy cơ sinh viên phụ thuộc quá mức. Vì vậy, khi sử dụng ChatGPT để phân tích từ gần nghĩa tiếng Trung Quốc, sinh viên cần duy trì tư duy phản biện, đồng thời kết hợp với sự hướng dẫn chuyên môn của giảng viên nhằm đảm bảo tính chính xác và hiệu quả của việc học. Phương pháp học tập dựa trên đối thoại này mang lại cho người học tiếng Trung Quốc một cách tiếp cận mới mẻ và hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực ngôn ngữ và kỹ năng phân tích.

*Từ khóa:* ChatGPT, đối thoại, từ gần nghĩa tiếng Trung Quốc, sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, phương thức đặt câu hỏi bằng Chat GPT, học tập dựa trên hình thức đối thoại

## Abstract

This paper discusses the applications and challenges of ChatGPT in the analysis of Chinese near-synonyms and proposes five effective questioning strategies to optimize the learning process. Through dialogue with ChatGPT, students can employ the following approaches: (1) identifying the major differences between near-synonyms; (2) analyzing the semantic differences of the constituent morphemes within words; (3) examining differences in grammatical functions and parts of speech; (4) conducting detailed analyses of collocations and word combinations to clarify distinctions; and (5) exploring differences in usage connotations and contextual applications. In addition, students can engage in practice activities generated by ChatGPT to gain a deeper understanding of and mastery over the systematic differences among Chinese near-synonyms. However, the application of ChatGPT also faces several challenges, including concerns

\*Tác giả liên hệ: Đặng Thị Lê Na

Email: dangtlena1@dtu.edu.vn

regarding the quality and reliability of information, as well as the risk of students becoming overly dependent on the tool. Therefore, when using ChatGPT to analyze Chinese near-synonyms, students should maintain critical thinking and combine its use with professional guidance from instructors to ensure the accuracy and effectiveness of learning. This dialogue-based learning approach provides learners of Chinese with a novel and effective method of study, contributing to the enhancement of their language proficiency and analytical skills.

*Keywords:* ChatGPT, dialogue, Chinese near-synonyms, Chinese Language majors, ChatGPT prompting strategies, dialogue-based learning

## 1. Đặt vấn đề

Kể từ khi nhà khoa học máy tính Joseph Weizenbaum (Viện Công nghệ Massachusetts) phát triển một trong những chatbot đầu tiên ELIZA vào năm 1966, trí tuệ nhân tạo hội thoại đã không ngừng phát triển trên cả phương diện lý thuyết và công nghệ. Là một bước tiến tiêu biểu trong lĩnh vực này, ChatGPT được xây dựng trên kiến trúc mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Model) và được huấn luyện thông qua sự kết hợp giữa học có giám sát, học không giám sát cùng với cơ chế tối ưu hóa dựa trên phản hồi của con người. Dựa trên các phương pháp này, hệ thống có khả năng mô hình hóa và tạo sinh văn bản ngôn ngữ tự nhiên, đồng thời ở một mức độ nhất định có thể suy đoán ý định giao tiếp của người dùng. Tuy nhiên, mặc dù ChatGPT có khả năng đưa ra những câu trả lời thỏa đáng, điều kiện tiên quyết là người dùng phải đặt câu hỏi một cách hợp lý và có định hướng; do đó, chất lượng câu hỏi ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ phong phú và độ tin cậy của thông tin thu được.

Theo Lee P, BuBecks, Petro J (2023), hình thức tương tác hỏi – đáp là đặc trưng ứng dụng cơ bản của ChatGPT: người dùng khởi tạo một “phiên hội thoại” bằng cách nhập truy vấn (thường gọi là “prompt”) dưới dạng ngôn ngữ tự nhiên, và ChatGPT thường đưa ra phản hồi liên quan chỉ trong thời gian rất ngắn[1]. Hiện nay, việc ứng dụng ChatGPT theo hình thức đối thoại đã tạo ra những tác động đáng kể đối với hoạt động dạy học tiếng Trung Quốc. ChatGPT không chỉ làm thay đổi phương thức học tập mà còn thúc đẩy sự phát triển của công nghệ xử lý ngôn ngữ liên quan đến tiếng Trung Quốc. Quan trọng hơn, thông qua hình thức tương tác hội

thoại, sinh viên có thể nhanh chóng và trực quan nắm bắt các từ gần nghĩa - những đơn vị ngôn ngữ tuy có ý nghĩa bề mặt tương đồng nhưng lại tồn tại khác biệt nhỏ trong thực tế sử dụng. Đồng thời, những đặc điểm này cho phép ChatGPT nhận diện tương đối chính xác nhu cầu cá nhân hóa của sinh viên, từ đó cung cấp phản hồi mang tính tùy biến cao. Trong việc khắc phục những hạn chế của dạy học truyền thống như khó triển khai giáo dục cá nhân hóa hay phân bổ thời gian học tập chưa hợp lý, ChatGPT cho thấy nhiều ưu thế và tiềm năng đáng kể. Tuy vậy, dù ChatGPT thể hiện khả năng tốt trong xử lý ngôn ngữ tự nhiên, nguồn dữ liệu và cơ chế thuật toán của hệ thống vẫn có thể dẫn đến những sai lệch hoặc thiếu chính xác trong một số trường hợp phân tích ngôn ngữ. Đặc biệt, nếu sinh viên chỉ tiến hành một lượt hỏi – đáp duy nhất, câu trả lời ban đầu có thể chưa đủ toàn diện, chiều sâu còn hạn chế hoặc tồn tại điểm chưa chính xác.

Xuất phát từ bối cảnh thực tiễn nêu trên, bài viết này tập trung nghiên cứu việc ứng dụng ChatGPT trong hoạt động phân biệt từ vựng gần nghĩa tiếng Trung Quốc. Quan sát ban đầu cho thấy, trong một số trường hợp, ChatGPT vẫn còn bộc lộ hạn chế nhất định về độ chính xác và mức độ đầy đủ của thông tin trong quá trình phân tích ngữ nghĩa. Trên cơ sở đó, nghiên cứu xây dựng một nhiệm vụ phân biệt từ gần nghĩa mang tính định hướng, nhằm đánh giá một cách hệ thống hiệu quả phản hồi của ChatGPT. Thông qua phân tích chuyên sâu và đối chiếu với các ví dụ cụ thể, bài viết làm rõ cả giá trị ứng dụng lẫn những thách thức khi triển khai mô hình đối thoại trong dạy học ngôn ngữ. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số kiến nghị đối với sinh viên nhằm góp

phần nâng cao hiệu quả sử dụng ChatGPT trong xử lý và phân tích từ gần nghĩa tiếng Trung.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

#### 2.1.1. Cơ sở phân biệt từ gần nghĩa

Trong quá trình dạy học tiếng Trung Quốc, việc phân biệt từ gần nghĩa luôn là một thách thức lớn đối với sinh viên. Sở dĩ từ gần nghĩa khó nắm bắt bởi chúng có ý nghĩa gần giống nhau nhưng cách dùng lại khác nhau, những khác biệt nhỏ này thường khiến sinh viên bối rối và dẫn đến việc mắc lỗi sai thường xuyên hơn trong quá trình sử dụng thực tế. Vậy tại sao việc học từ gần nghĩa lại quan trọng? Theo quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu, sự tồn tại của từ gần nghĩa giúp tiếng Trung Quốc trở nên phong phú, tinh tế và chính xác hơn trong cách biểu đạt; mức độ nắm vững từ gần nghĩa thường là thước đo trình độ làm chủ một ngôn ngữ của người học. Dù người học đến từ nền văn hoá nào, khả năng phân biệt từ gần nghĩa luôn là con đường quan trọng để nâng cao năng lực diễn đạt tiếng Trung.

Tuy vậy việc phân biệt từ gần nghĩa cần dựa trên những tiêu chí phân biệt cụ thể. Trong thực tiễn, vấn đề này từ lâu đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu sâu rộng của giới học giả. Thế kỉ XX, nhiều nhà nghiên cứu Hán ngữ Trung Quốc đã có những nghiên cứu chuyên sâu về từ gần nghĩa, trong đó nổi bật có Zhou Zumo (周祖谟, 1958), Zhang Zhiyi (张志毅, 1981), Meng Xiangying (孟祥英, 1997). Các học giả này đều

cho rằng từ gần nghĩa tuy có ý nghĩa cơ bản tương đối giống nhau, nhưng vẫn tồn tại những khác biệt tinh tế về ngữ nghĩa, đặc điểm kết hợp, phạm vi sử dụng và sắc thái biểu đạt; do đó, việc phân biệt chính xác từ gần nghĩa có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác và tự nhiên [2],[3],[4]. Bước sang thế kỉ XXI, Yang Jizhou (杨寄洲, 2004), Zhao Xin (赵新, 2001), Hu Liangjie (胡亮节, 2006), Wu Lin (吴琳, 2008), Hao Yuxin, Liu Wen và Xing Hongbing (郝瑜鑫, 刘文, 邢红兵, 2010) đã tiếp tục đề xuất các mô hình và khung phân tích từ gần nghĩa trong giảng dạy tiếng Trung Quốc như ngôn ngữ thứ hai, các nhà nghiên cứu đều nhấn mạnh rằng việc phân biệt từ gần nghĩa cần được tiến hành một cách hệ thống, không chỉ xem xét sự khác biệt về ý nghĩa mà còn phải chú ý đến đặc điểm cú pháp, khả năng kết hợp và đặc trưng ngữ dụng [5],[6],[7],[8],[9].

Đáng chú ý, Zhao Xin (赵新, 2009) và cộng sự sau khi phân tích một lượng lớn từ gần nghĩa, đã xây dựng nên một khung các tiêu chí phân biệt từ gần nghĩa rất chi tiết. Khung này bao gồm ba hạng mục đối chiếu cốt lõi: đối chiếu ngữ nghĩa (语义对比), đối chiếu cú pháp (句法对比) và đối chiếu ngữ dụng (语用对比) [10]; mỗi tiêu chí lại được chia thành nhiều yếu tố có tính phân biệt cụ thể, nhằm giúp nhận diện rõ hơn những khác biệt tinh tế giữa các từ gần nghĩa. Bảng dưới đây trình bày khung phân biệt các từ gần nghĩa của Zhao Xin.

语义对比	语义焦点
	语义强度: A 程度高低; B 语气强弱
	语义适用: A 人/事/物; B 自己/别人; C 个人/集体; D 具体/抽象; E 社会/自然; F 过去/将来
	不同义项
句法对比	语法特征: A 词性; B 重叠; C 插入成分; D 句法功能
	组合分布: A 句中位置; B 前接成分; C 后接成分
	句型句式: A 把字句; B 被字句; C 祈使句; D 疑问句; E 否定句; F 肯定句; 等等
语用对比	风格特点: A 语体; B 场合
	感情色彩: A 褒义/贬义/中性; B 对上/对下
	地方色彩: 南方/北方

Hình 1. Khung phân tích từ gần nghĩa của Zhao Xin (赵新, 2009) cùng cộng sự

Có thể thấy, khung tiêu chí này rất hữu ích trong quá trình đối thoại với ChatGPT, qua đó giúp làm rõ hơn sự khác biệt của các từ gần nghĩa.

### 2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

#### (1) Phương pháp tổng quan tài liệu

Bài viết tiến hành nghiên cứu, phân loại và phân tích các tài liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu, làm cơ sở lý luận cho đề tài.

#### (2) Phương pháp phỏng vấn

Tác giả tiến hành phỏng vấn 5 bạn sinh viên năm ba thuộc Khoa Tiếng Trung (Đại học Duy Tân). Cuộc phỏng vấn được tiến hành nhằm tìm hiểu sâu hơn những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình học và phân biệt từ gần nghĩa, đồng thời khảo sát mức độ, tần suất và cách thức sử dụng ChatGPT của sinh viên trong việc hỗ trợ phân tích và nhận diện sự khác biệt giữa các từ này.

#### (3) Phương pháp thử nghiệm dữ liệu

Phương pháp thử nghiệm dữ liệu là phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng trong bài viết. Người nghiên cứu sử dụng cùng các bộ từ gần nghĩa và tiến hành đối thoại nhiều lượt với ChatGPT, sau đó đối chiếu và phân tích kết quả nhằm đánh giá độ chính xác và tính nhất quán trong các phản hồi của ChatGPT.

## 2.2. Cụ thể thử nghiệm

### 2.2.1. Cách thức thử nghiệm

Qua phỏng vấn 5 bạn sinh viên năm 3 thuộc Khoa Tiếng Trung (Đại học Duy Tân), tác giả nhận thấy: (1) phần lớn bạn sinh viên đều cảm thấy khó khăn trong việc phân biệt và sử dụng từ gần nghĩa; (2) mức độ ứng dụng ChatGPT vào việc học tiếng Trung Quốc và phân biệt từ gần nghĩa của sinh viên còn ít. Khi dùng ChatGPT phân biệt từ gần nghĩa, sinh viên chỉ đưa ra các câu hỏi đơn giản như “Hai từ này khác nhau ở đâu?” hoặc “Cho tôi một vài ví dụ?”, khiến việc nhận diện bản chất từ chưa thực sự chính xác.

Dựa trên khung tiêu chí của Zhao Xin và kết quả phỏng vấn sinh viên, tác giả nhận thấy người học thường có xu hướng đặt câu hỏi ngắn và đơn giản khi dùng ChatGPT để phân biệt từ gần nghĩa. Do đó, ở lượt đối thoại đầu tiên, nghiên cứu sẽ nghiệm thu phản hồi của ChatGPT qua câu hỏi cơ bản: “A và B khác nhau ở điểm nào?” (A 和 B 的区别在哪儿?). Cách hỏi này phản ánh xu hướng tự nhiên của người học khi tiếp cận vấn đề một cách trực tiếp và đơn giản.

Sau lượt đối thoại đầu tiên, tác giả căn cứ vào khung tiêu chí của Zhao Xin để tiếp tục xây dựng hệ thống câu hỏi chuyên sâu.

- Trên bình diện ngữ nghĩa (语义), các câu hỏi được thiết lập nhằm làm rõ bản chất khác biệt giữa hai đơn vị từ vựng, cụ thể gồm: (1) Sự khác biệt quan trọng nhất giữa A và B là gì? (A和B最主要的区别是什么?); (2) Các ngữ tố cấu thành hai từ có những khác biệt nào và ý nghĩa tổng thể của chúng khác nhau ra sao? (“这两个词中不同的语素有何区别? 整体上有何不同?”).

- Trên bình diện cú pháp (句法), nghiên cứu tập trung khảo sát đặc điểm từ loại và khả năng kết hợp trong cấu trúc câu của hai từ gần nghĩa qua câu hỏi: Từ loại của hai từ này là gì và có sự khác biệt nào không? (“这两个词的词性是什么? 有无区别?”).

- Trên bình diện ngữ dụng (语用), nghiên cứu tiếp cận hai phương diện chính. Thứ nhất là khả năng kết hợp và các lỗi thường gặp trong thực tế qua câu hỏi "Hai từ này thường kết hợp với những từ nào và các lỗi kết hợp phổ biến là gì?" (“这两个词常与哪些词搭配? 请举例常见的错误搭配.”). Thứ hai là phong cách ngữ thể và sắc thái biểu cảm qua câu hỏi "Phong cách ngữ thể và sắc thái biểu cảm của hai từ này như thế nào, hãy phân tích và minh họa cụ thể?" (“这两个词的语体和感情色彩如何? 请举例说明.”).

- Bên cạnh đó, nhằm khai thác tối đa tiềm năng hỗ trợ học tập của ChatGPT, bài viết còn

yêu cầu ChatGPT đưa ra những bài luyện tập cụ thể để có thể nắm được sự khác biệt tốt hơn, đồng thời qua đó đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực hành.

Trong quá trình đối thoại, các câu hỏi được điều chỉnh và bổ sung một cách linh hoạt, với mức độ cụ thể hóa tăng dần khi cần thiết, nhằm bảo đảm tính mạch lạc, chiều sâu và hiệu quả của tương tác. Thông qua quy trình này, nghiên cứu hướng tới mục tiêu khảo sát một cách toàn diện năng lực phân tích và xử lý vấn đề từ vựng của ChatGPT trong bối cảnh giảng dạy tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ.

### 2.2.2. Hình thức thử nghiệm và ngữ liệu tham chiếu

Bài viết áp dụng hình thức đối thoại của ChatGPT, bằng cách trao đổi luân phiên với ChatGPT nhằm thảo luận sâu hơn vấn đề phân biệt từ gần nghĩa trong tiếng Trung. Thông qua hình thức tương tác này, tác giả có thể trực quan hơn trong việc thể hiện mức độ và đặc điểm phản hồi của ChatGPT khi xử lý các cặp từ gần nghĩa, từ đó đề xuất các hướng điều chỉnh và cải tiến.

担保和保证的区别?

④ 担保和保证是法律和商业领域中常见的概念，但它们有不同的含义和应用。以下是它们的主要区别：

**担保**

1. 定义：
  - 担保是指为了确保债务的履行而提供的一种保障措施，可以包括财产、权利或第三方的信用。
2. 形式：
  - 担保主要有物的担保和人的担保两种形式。物的担保如抵押、质押；人的担保如保证。
3. 责任性质：
  - 担保涉及具体的财产或权利，债权人可以在债务人不履行义务时，直接对担保物或担保人进行追索。
4. 法律依据：
  - 担保多根据《担保法》及相关法律法规规定执行，具有较强的法律效力。

**保证**

1. 定义：
  - 保证是指第三方（保证人）向债权人承诺，在债务人不履行债务时，由保证人承担责任。
2. 形式：
  - 保证是人的担保，保证人通过合同承诺承担债务人的责任。
3. 责任性质：
  - 保证人的责任通常是连带责任或补充责任，即在债务人不能履行债务时，保证人才承担责任。具体责任形式可以在保证合同中约定。
4. 法律依据：
  - 保证主要根据《合同法》及相关法律法规规定执行，也是法律认可的一种担保形式。

Hình 2. Phản hồi do ChatGPT tạo ra về sự khác biệt giữa 担保 và 保证

Đối chiếu với nội dung trong giáo trình, có thể nhận thấy việc ChatGPT quy 担保 và 保证 chủ yếu vào ngữ cảnh pháp lý hoặc thương mại sẽ là một thử thách khá lớn đối với sinh viên học ngoại ngữ. Ví dụ như câu: Không xảy ra vấn đề gì đâu, tôi cam đoan/đảm bảo (出不了事, 我敢

Bài viết lấy *Giáo trình chuẩn HSK 6 - Tập 2 (HSK 标准教程.6. 下*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2018) do Jiang Liping (姜丽萍) chủ biên làm cơ sở tham chiếu [11]. Giáo trình này có tính chuẩn mực và độ tin cậy cao trong giảng dạy tiếng Trung nói chung cũng như phân tích từ gần nghĩa tiếng Trung, qua đó cung cấp tiêu chuẩn đối chiếu quan trọng cho nghiên cứu. Từ giáo trình, tác giả tiến hành phân tích ba cặp từ gần nghĩa lần lượt là: 担保 – 保证, 万分 – 十分 và 大致 – 大体, sau đó tiến hành đối thoại lần lượt với ChatGPT.

### 2.3. Kết quả và thảo luận

#### 2.3.1. Phản hồi từ câu hỏi lượt đối thoại thứ nhất

Đầu tiên, tác giả khảo sát sự khác biệt giữa 担保 và 保证. Kết quả do ChatGPT tạo ra cho thấy mô hình phân tích từ bốn phương diện: định nghĩa, hình thức, tính chất trách nhiệm và cơ sở pháp lý. Tuy nhiên, cách phân tích này tương đối trừu tượng đối với người học tiếng Hán. Các khái niệm như “tính chất trách nhiệm” (责任性质) hay “cơ sở pháp lý” (法律依据) không thuộc trọng tâm tri thức ngôn ngữ mà người học cần nắm.

保证 / 担保), cách dùng này không bị giới hạn trong lĩnh vực pháp lý hay kinh doanh. Do đó, phần giải thích dựa trên cơ sở pháp lý của ChatGPT phần nào thiếu tính phù hợp trong bối cảnh dạy học ngôn ngữ.

	担保	保证
共同点	表示负责, 肯定不出问题或一定办到。 如: 出不了事, 我敢担保/保证。	
不同点	1. 后边不能跟名词, 只能跟动词或小句。 如: ①我们要担保产品质量。(×) ②我敢担保, 产品质量没有问题。(√)	1. 后边可以跟名词, 表示确保既定的要求和标准, 不打折扣。 如: 我们要保证产品质量。 2. 名词, 作为担保的事物。 如: 安定团结是我们取得胜利的保证。
	2. 没有名词词性。	

Hình 3. Phân biệt cặp từ 担保 và 保证 theo Giáo trình chuẩn HSK 6 - Tập 2, 27-28.

Tiếp theo, bài viết tiếp tục phân tích cặp từ 万分 và 十分.

万分和十分的区别?

④ “万分”和“十分”在汉语中都是表示程度的副词, 但它们在使用时有一些细微的区别。以下是对它们的详细解释:

- 程度的差异:**
  - 万分:** 表示极高的程度, 常常用来强调某种情感或状态的极致。例如: “万分感谢”、“万分激动”、“万分紧张”。它比“十分”的程度更高。
  - 十分:** 表示程度很高, 但没有“万分”那么极端。例如: “十分感谢”、“十分高兴”、“十分困难”。它的程度比“万分”稍低。
- 使用场合:**
  - 万分:** 常用于书面语和正式场合, 显得更加郑重和庄重。
  - 十分:** 既可用于书面语也可用于口语, 使用范围更广泛。
- 搭配的对象:**
  - 万分:** 通常搭配表示情感和状态的词语, 如“激动”、“紧张”、“痛苦”等。
  - 十分:** 可以搭配广泛的形容词和动词, 不限于情感和状态, 如“十分满意”、“十分美丽”、“十分努力”。

Hình 4. Phản hồi do ChatGPT tạo ra về sự khác biệt giữa 万分 và 十分

Đối chiếu với *Giáo trình chuẩn HSK 6 - Tập 2*, bài viết xác lập đáp án tham chiếu làm cơ sở cho việc so sánh, cụ thể như sau:

	万分	十分
共同点	都表示程度深, “非常”的意思。 如: 听到这个消息, 大家感到万分/十分惊讶。	
不同点	1. “万分”只能修饰表示心理状态的形容词或动词。 如: ①心情万分悲痛。(√) ②天气万分寒冷。(×)	1. “十分”没有这样的限制。 如: ①心情十分悲痛。(√) ②天气十分寒冷。(√)
	2. “万分”表示的程度比“十分”更深。 如: “对你的帮助我万分感激”与“对你的帮助我十分感激”相比, 前者所表达的程度更深。	

Hình 5. Phân biệt cặp từ 万分 và 十分 theo Giáo trình chuẩn HSK 6 - Tập 2, 38.

Phản hồi của ChatGPT nhìn chung khá toàn diện, bao quát được khác biệt về mức độ, ngữ cảnh sử dụng và kết hợp từ. Tuy nhiên, ChatGPT chưa thể chỉ ra rõ đặc điểm quan trọng: 万分 chủ yếu dùng để bổ nghĩa cho các từ chỉ trạng thái tâm lý hoặc cảm xúc. Sự thiếu sót này có thể dẫn đến nhầm lẫn trong quá trình vận dụng của sinh viên.

Sau đó, tác giả tiếp tục tiến hành khảo sát sự khác biệt giữa cặp từ 大致 và 大体. Phản hồi ở lượt hỏi đầu tiên như sau:

大致和大体的区别?

- ◎ “大致”和“大体”都是表示概略、不完全精确的意思，但它们在使用上有细微的区别：
- 含义：**
    - **大致：**强调具体的事物或情况的概略，指某件事物的具体细节虽然不完全准确，但基本上相符。例如：“他大致了解了事情的经过。”
    - **大体：**强调整体情况或主要部分，指事物的主要方面和总体情况，可能不关注细节。例如：“这件事情大体上是这样的。”
  - 用法：**
    - **大致：**可以用在具体的时间、数字、情况等方面。例如：“我们大致需要两小时完成这个任务。”
    - **大体：**通常用在对事情的总体概括上。例如：“大体来说，他的表现还是不错的。”
  - 搭配：**
    - **大致：**经常与具体的数量、时间、范围等搭配。例如：“大致需要三天时间”，“大致有五百人参加”。
    - **大体：**多与表示总体情况的词语搭配。例如：“大体上符合要求”，“大体情况已了解”。

Hình 6. Phân hồi do ChatGPT tạo ra về sự khác biệt giữa 大致 và 大体

Đối chiếu với *Giáo trình chuẩn HSK 6*, bài viết xác lập đáp án tham chiếu làm cơ sở cho việc so sánh, cụ thể như sau:

	大致	大体
共同点	1. 表示说的是主要情况，多数情况。 如：大家的经历大致/大体相同。	
	2. 表示粗略地、不十分详尽地。 如：我跟他大致/大体说了一下。	
不同点	1. 表示不十分准确的估计。 如：我大致得在那儿待三个月。 (✓)	1. 没有左边这个用法。 如：我大体得在那儿待三个月。 (×)
	2. “大致”还可以做形容词。 如：这只是一个大致的想法。	2. 没有左边这个用法。

Hình 7. Phân biệt cặp từ 大致 và 大体 theo *Giáo trình chuẩn HSK 6,57*.

Sau khi so sánh đối chiếu với đáp án tham khảo, có thể thấy ChatGPT đã đưa ra phân tích ở các phương diện ý nghĩa, cách dùng và kết hợp từ, đồng thời nêu được nét nghĩa chung của cặp từ này. Tuy vậy, phần giải thích vẫn còn nhiều hạn chế. Trên thực tế, hai từ này ngoài ý nghĩa biểu thị tính khái quát còn có thể dùng để mô tả tình hình chung hoặc đa số trường hợp, ví dụ: “大家的经历大致 / 大体相同”。Trong phần hồi lần thứ nhất của ChatGPT chưa đề cập đến từ loại, tác giả tiếp tục đặt câu hỏi kiểm chứng: “Có thể nói ‘这只是一个大体的答案’ hay không?” Trong câu trả lời, ChatGPT chấp nhận cách nói “大体的答案”, cách diễn đạt này tương tự như “大体的想法”. Tuy nhiên, theo *Giáo trình chuẩn HSK 6* và các trang tài liệu khác liên quan, 大体 chỉ được ghi nhận là danh từ và phó từ, không có chức năng tính từ. Điều này cho

thấy khả năng xuất hiện thông tin gây nhiễu hoặc thiếu chuẩn xác của ChatGPT.

Thông qua các câu hỏi đơn giản dạng “A và B khác nhau thế nào?”, có thể thấy ChatGPT vừa thể hiện những ưu điểm nổi bật, vừa bộc lộ một số hạn chế nhất định. Về mặt tích cực, công cụ này có khả năng cung cấp phân tích đa chiều, thường trình bày câu trả lời với cấu trúc tương đối rõ ràng, logic và dễ theo dõi, từ đó hỗ trợ sinh viên mở rộng góc nhìn và tiếp cận vấn đề dưới nhiều phương diện khác nhau. Tuy nhiên, bên cạnh đó, độ chính xác của nội dung trong một số trường hợp vẫn chưa thật sự ổn định; một số phần giải thích còn mang tính khái quát, chưa nhấn mạnh được những điểm mấu chốt phục vụ trực tiếp cho giảng dạy. Ngoài ra, tiêu chí phân tích đôi khi chưa nhất quán, và giữa các lần hỏi khác nhau có thể xuất hiện những sai khác nhỏ

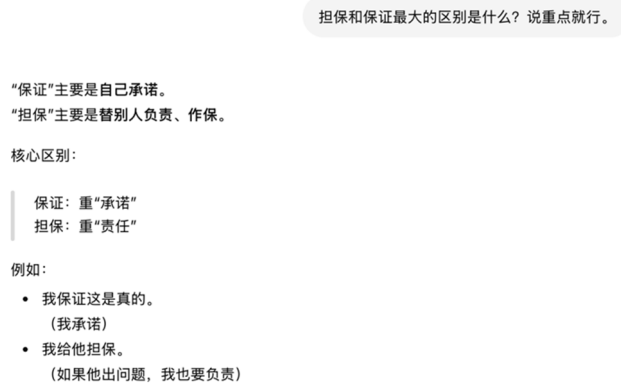
trong phản hồi, làm gia tăng tính bất định của kết quả. Những quan sát này cho thấy ChatGPT có tiềm năng đáng kể trong việc hỗ trợ dạy học, song cần được sử dụng một cách có chọn lọc và kết hợp với cách đặt câu hỏi thông minh hơn để đảm bảo tính chính xác và hiệu quả sư phạm.

### 2.3.2. Phản hồi của ChatGPT với nhiều câu hỏi đối thoại

#### (1) 担保 và 保证

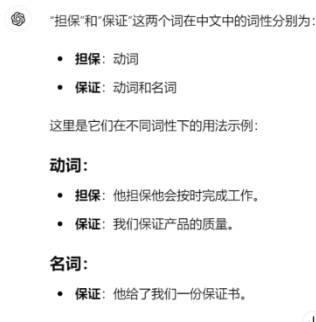
Sau khi tiến hành đối thoại nhiều lượt với ChatGPT, tác giả nhận được một số phản hồi như sau.

Câu hỏi 1: 担保 và 保证 khác nhau chủ yếu ở điểm nào?



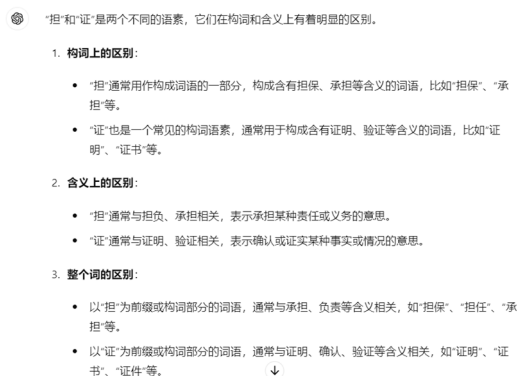
Hình 8. Phản hồi của ChatGPT về sự khác biệt chủ yếu giữa 担保 và 保证

Câu hỏi 2: 担保 và 保证 thuộc từ loại gì?



Hình 9. Phản hồi của ChatGPT về sự khác biệt từ loại giữa 担保 và 保证

Câu hỏi 3: Sự khác biệt về ngữ tố giữa 担保 và 保证 là gì? Xét toàn bộ từ, chúng khác nhau ra sao?



Hình 10. Phản hồi của ChatGPT về sự khác biệt về ngữ tố giữa 担保 và 保证

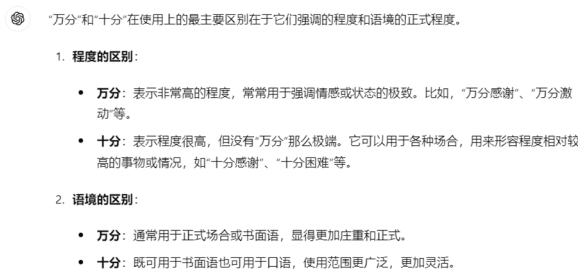
Sau khi áp dụng bộ câu hỏi được lấy cơ sở từ phân tích từ gần nghĩa của các nhà nghiên cứu trước, kết hợp với việc đối chiếu câu trả lời của ChatGPT với *Giáo trình chuẩn HSK 6*, tác giả nhận thấy rằng khi giải thích sự khác biệt giữa hai từ, ChatGPT thể hiện rõ ràng và dễ hiểu hơn. Phân tích ở cấp độ ngữ tố giúp làm nổi bật ảnh hưởng của từng thành tố cấu tạo từ đối với ý nghĩa chung, từ đó khiến sự khác biệt giữa hai từ

trở nên cụ thể và dễ nắm bắt hơn. Cách phân tích chi tiết này hỗ trợ sinh viên hiểu chính xác hơn những khác biệt tinh tế về từ vựng. Ngoài ra, ChatGPT cũng chỉ ra rõ từ loại của hai từ, điều này có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình học ngôn ngữ. Việc nắm vững từ loại giúp sinh viên hiểu rõ cấu trúc câu, nâng cao năng lực ngữ pháp và sử dụng từ chính xác hơn trong ngữ cảnh thực tế.

## (2) 万分 và 十分

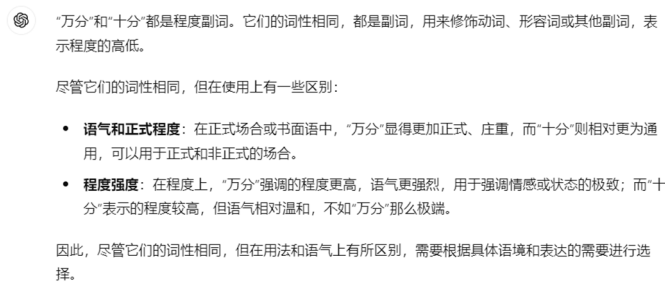
Sau khi tiến hành đối thoại nhiều lượt với ChatGPT, tác giả nhận được một số phản hồi như sau.

Câu hỏi 1: Sự khác biệt chủ yếu giữa 万分 và 十分 là gì?



Hình 11. Phản hồi của ChatGPT về sự khác biệt chủ yếu giữa 万分 và 十分

Câu hỏi 2: 万分 và 十分 thuộc loại từ nào?



Hình 12. Phản hồi của ChatGPT về sự khác biệt từ loại giữa 万分 và 十分

Câu hỏi 3: Nêu sự khác biệt về sắc thái sử dụng của 万分 và 十分



Hình 13. Phản hồi của ChatGPT về khác biệt sắc thái sử dụng của 万分 và 十分

Sau khi so sánh phản hồi của ChatGPT với nội dung trong *Giáo trình chuẩn HSK 6*, tác giả nhận thấy ChatGPT đã đưa ra câu trả lời chi tiết hơn khi phân tích sự khác biệt về mức độ giữa hai từ, đồng thời làm rõ sắc thái sử dụng và cung

cấp các giải thích có giá trị tham khảo. Tuy nhiên, do ChatGPT vẫn chưa chỉ ra được điểm ngữ pháp cốt lõi của 万分 là chỉ bổ nghĩa cho các tính từ hoặc động từ trạng thái tâm lý, tác giả tiếp tục đặt câu hỏi thứ tư để kiểm chứng.

Câu hỏi 4: Hãy nêu một số ví dụ sử dụng không phù hợp hoặc sai.

当描述天气时, 使用“万分”可能会导致一些不太自然或不合适的表达。以下是一些可能不太恰当的表达:

1. 天气万分寒冷。
2. 天气万分潮湿。
3. 天气万分阴暗。
4. 天气万分糟糕。

虽然这些句子在语法上并没有错误, 但是因为“万分”通常用于强调情感或状态的极致, 而天气的状态通常不会达到这种极端程度, 因此这些表达可能显得不太自然。相比之下, 使用“非常”或“十分”可能更合适, 因为它们在日常口语中更为常见, 更符合日常表达的习惯。

Hình 14. Phản hồi của ChatGPT về những ví dụ sai của 万分 và 十分

Có thể thấy, ChatGPT đã đưa ra những cách diễn đạt sai phù hợp với *Giáo trình chuẩn HSK*, ví dụ như không thể nói “万分寒冷”, “万分潮湿”, tuy nhiên ChatGPT vẫn chưa thể khái quát được cách dùng 万分 chỉ có thể bổ nghĩa cho các tính từ hoặc động từ tâm lý. Phát hiện này cho

thấy rằng dù ChatGPT có nhiều ưu thế trong xử lý ngôn ngữ, nhưng vẫn tồn tại những giới hạn nhất định. Do đó, khi sử dụng ChatGPT để hỗ trợ học tập, người học có thể đặt thêm nhiều câu hỏi để kết quả phản hồi của ChatGPT cụ thể hoá và rõ ràng hơn.

(3) 大致 và 大体

Sau khi tiến hành đối thoại nhiều lượt với ChatGPT, tác giả nhận được một số phản hồi như sau.

Câu hỏi 1: Sự khác biệt chủ yếu giữa 大致 và 大体 là gì?

最大的区别在于它们的用法和侧重点:

1. 用法:

- **大致**: 通常用来描述具体的数量、时间、范围等, 强调事物的大概范围或近似数值。
- **大体**: 常用来概括整体情况、总体状况, 强调事物的总体特征或主要方面。

2. 侧重点:

- **大致**: 强调事物的概略或近似, 可能更关注于具体的数量、时间、范围等细节。
- **大体**: 强调事物的整体情况或总体特征, 不太关注具体细节, 更注重概括性描述。

总的来说, 虽然它们在某些情况下可以互换使用, 但在语境和含义上有细微的差别, 需要根据具体情况选择使用。

Hình 15. Phản hồi của ChatGPT về sự khác biệt chủ yếu giữa 大致 và 大体

Câu hỏi 2: Phân tích sự khác biệt về ngữ tố giữa hai từ.

“万分”和“十分”都是程度副词。它们的词性相同, 都是副词, 用来修饰动词、形容词或其他副词, 表示程度的高低。

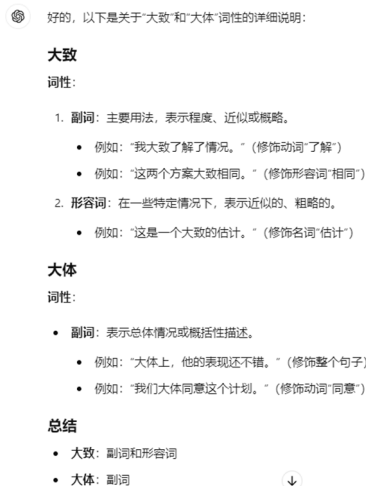
尽管它们的词性相同, 但在使用上有一些区别:

- **语气和正式程度**: 在正式场合或书面语中, “万分”显得更加正式、庄重, 而“十分”则相对更为通用, 可以用于正式和非正式场合。
- **程度强度**: 在程度上, “万分”强调的程度更高, 语气更强烈, 用于强调情感或状态的极致; 而“十分”表示的程度较高, 但语气相对温和, 不如“万分”那么极端。

因此, 尽管它们的词性相同, 但在用法和语气上有所区别, 需要根据具体语境和表达的需要进行选择。

Hình 16. Phản hồi của ChatGPT về sự khác biệt chủ yếu giữa 大致 và 大体

### Câu hỏi 3: Từ loại của 大致 và 大体 là gì?



Hình 17. Phản hồi của ChatGPT về sự khác biệt từ loại giữa 大致 và 大体

Thông qua ba câu hỏi trên, chúng ta có thể hiểu sâu hơn về hai từ gần nghĩa này. Sự khác biệt về ý nghĩa, cách dùng và trọng tâm ngữ pháp trở nên rõ ràng hơn. Đồng thời, trong câu hỏi về từ loại, ChatGPT đã có thể đưa ra được câu trả lời 大致 vừa là phó từ và tính từ, trong khi đó 大体 chỉ có chức năng từ loại là phó từ. Việc xác định từ loại mang lại lợi ích đáng kể cho sinh viên, giúp sinh viên hiểu rõ cấu trúc câu và nâng cao độ chính xác trong diễn đạt.

Nhìn tổng thể, khi áp dụng chuỗi câu hỏi hệ thống bao gồm: (1) điểm khác biệt chủ yếu; (2) ý nghĩa của các ngữ tố cấu tạo từ; (3) chức năng từ loại; (4) các cụm từ kết hợp đặc trưng và (5) sắc thái cũng như ngữ cảnh sử dụng, quá trình đối chiếu từ gần nghĩa sẽ được triển khai toàn diện trên cả ba bình diện: ngữ nghĩa, cú pháp và ngữ dụng. Thông qua hình thức đối thoại hỏi đáp với ChatGPT, sinh viên có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa và cách dùng của cặp từ gần nghĩa được so sánh, bao gồm trọng tâm ngữ nghĩa, ngữ cảnh sử dụng cũng như đặc điểm kết hợp từ. Việc bổ sung các bài tập thực hành không chỉ giúp củng cố kiến thức đã tiếp nhận, mà còn tăng cường khả năng vận dụng vào ngữ cảnh cụ thể. Sau khi tiến hành kiểm tra và đối chiếu, bài viết nhận thấy các bài tập do ChatGPT tạo ra nhìn chung có độ chính xác khá cao, phản hồi nhanh, hiệu

quả và hoàn toàn có thể được sử dụng như một nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên trong quá trình phân biệt từ gần nghĩa tiếng Trung Quốc.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu này tập trung khảo sát khả năng ứng dụng ChatGPT trong hoạt động phân tích và phân biệt từ gần nghĩa tiếng Trung Quốc đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, đặc biệt là sinh viên trình độ trung cấp và cao cấp, thông qua hình thức đối thoại có định hướng. Dựa trên khung tiêu chí phân tích từ gần nghĩa của Zhao Xin (2009), bài viết đã xây dựng hệ thống câu hỏi mang tính hệ thống nhằm đánh giá mức độ phản hồi của ChatGPT ở các bình diện ngữ nghĩa, cú pháp và ngữ dụng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi sinh viên chỉ đặt câu hỏi đơn giản theo dạng “A và B khác nhau ở điểm nào?”, phản hồi của ChatGPT tuy có cấu trúc rõ ràng và mang tính bao quát, song đôi khi còn mang tính khái quát, thiếu trọng tâm ngôn ngữ học, thậm chí có thể xuất hiện sai lệch nhỏ về từ loại hoặc phạm vi sử dụng. Tuy nhiên, khi áp dụng chuỗi câu hỏi mang tính định hướng và phân tầng dựa trên khung phân tích học thuật, chất lượng phản hồi của ChatGPT được cải thiện rõ rệt. Phân tích ở cấp độ ngữ tố, từ loại, đặc

điểm kết hợp từ và sắc thái ngữ dụng giúp làm nổi bật những khác biệt tinh tế giữa các từ gần nghĩa, từ đó nâng cao hiệu quả học tập.

Điều này cho thấy hiệu quả của ChatGPT trong dạy học không chỉ phụ thuộc vào năng lực xử lý ngôn ngữ của hệ thống, mà còn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chất lượng và cấu trúc của câu hỏi do người dùng đặt ra. Nói cách khác, năng lực “đặt câu hỏi” trở thành yếu tố then chốt quyết định hiệu quả của quá trình học tập dựa trên AI. Hình thức đối thoại nhiều lượt với sự điều chỉnh linh hoạt đã chứng minh tiềm năng của ChatGPT như một công cụ hỗ trợ tự học, cung cấp phản hồi kịp thời và mở rộng chiều sâu phân tích từ vựng.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế đáng lưu ý. Thứ nhất, độ chính xác của thông tin trong một số trường hợp chưa hoàn toàn ổn định, đặc biệt khi liên quan đến các đặc điểm ngữ pháp chuyên biệt. Thứ hai, ChatGPT chưa phải lúc nào cũng nhận mạnh được điểm mấu chốt mang tính sư phạm đối với sinh viên học ngoại ngữ. Thứ ba, nguy cơ phụ thuộc quá mức vào AI có thể làm suy giảm năng lực tư duy phản biện nếu sinh viên thiếu sự kiểm chứng và đối chiếu với tài liệu chuẩn mực.

Từ những phát hiện trên, bài viết đề xuất rằng việc ứng dụng ChatGPT trong học tập từ gần nghĩa tiếng Trung cần được triển khai theo hướng có định hướng và có giám sát. Sinh viên nên duy trì tư duy phản biện, kết hợp đối thoại với AI cùng với giáo trình chính thống và sự hướng dẫn chuyên môn của giảng viên. Đồng thời, trong giảng dạy, giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên xây dựng hệ thống câu hỏi dựa trên khung phân tích ngữ nghĩa – cú pháp – ngữ dụng, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng công cụ AI.

Về phương diện nghiên cứu, do phạm vi thực nghiệm còn giới hạn ở một số cặp từ gần nghĩa và chủ yếu dựa trên phân tích định tính, các nghiên

cứ tiếp theo có thể mở rộng quy mô từ vựng, kết hợp khảo sát thực nghiệm trên người học thực tế, hoặc tiến hành so sánh giữa các phiên bản mô hình ngôn ngữ khác nhau nhằm tăng cường độ tin cậy và tính khái quát của kết quả.

Tóm lại, nghiên cứu khẳng định rằng ChatGPT có tiềm năng đáng kể trong việc hỗ trợ học từ gần nghĩa tiếng Trung ở trình độ trung – cao cấp, đặc biệt khi được sử dụng theo mô hình đối thoại có cấu trúc và định hướng rõ ràng. Việc khai thác hiệu quả công cụ AI không chỉ góp phần nâng cao năng lực ngôn ngữ mà còn thúc đẩy khả năng phân tích, tư duy phản biện và tự học của sinh viên trong bối cảnh giáo dục số hiện nay.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Peter Lee, Sebastien Bubeck, Joseph Petro. (2023). Benefits, Limits, and Risks of GPT-4 as an AI Chatbot for Medicine. *The new england journal of medicine*, 388, 1233-1239. DOI: 10.1056/NEJMSr2214184.
- [2] 周祖谟. (1958). 词汇和词汇学. *Chinese Language Learning*, (09), 23-25.
- [3] 张志毅. (1981). 《现代汉语词典》释义的语文学性. *辞书研究*, (03), 79-85.
- [4] 孟祥英. (1997). 谈对外汉语教学中的近义词辨. *天津大学学报(社会科学版)*, (03), 72-76.
- [5] 杨寄洲. (2004). 课堂教学中怎么进行近义词语用法对比. *世界汉语教学*, (03), 96-104.
- [6] 赵新, 李英. (2001). 对外汉语教学中的同义词辨析. *暨南大学华文学院学报*, (02), 01-06.
- [7] 胡亮节. (2006). 论对外汉语教学中的近义词辨析. *云南师范大学学报*, (06), 23-27.
- [8] 吴琳. (2008). 汉英定语对比分析. *中国西部科技*, (03), 65-68.
- [9] 郝瑜鑫, 刘文, 邢红兵. (2010). 基于大规模语料库和词汇习得理论的学习型词典编撰构想. *湖南学院学报*, 31(06), 34-38.
- [10] 赵新, 李英主编. (2009). *商务馆学汉语近义词词典*. 商务印书馆出版社.
- [11] 姜丽萍. (2014). *HSK标准教程.6. 下*. 北京: 北京语言大学出版社.